

Bản án số: **19/2020/HC-PT**

Ngày: 29.7.2020.

V/v *Khiếu kiện hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Lam

Các thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Kiều Trang

Bà Trần Thị Thanh Thảo

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Công Hách – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Đỗ Tuyết Nhung
- Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 11/2020/HCPT ngày 02/3/2020 về việc khiếu kiện yêu cầu hủy Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, TP Hà Nội có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐ-HCPT ngày 08/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐ-HCPT ngày 24/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2020/QĐ-HCPT ngày 15/7/2020 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông **Doãn Ngọc T**, sinh năm 1940.

Nơi cư trú: Xóm Lãng, thôn Đồng Viên, xã P, huyện G, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền:

1. Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1990. HKTT: Thôn B, xã Q, huyện Kiến Xương, Thái Bình. Địa chỉ liên hệ: Cty Luật TNHH S, số 525 Lạc Long Quân, Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội.

2. Ông **Trần Cao K**, sinh năm 1991. Trú tại: Tổ 2, phường T, quận Long Biên, Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện có Luật sư **Nguyễn Quang H** – Luật sư Công ty Luật TNHH S.

Người bị kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, TP. Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Xuân T**, chức vụ Chủ tịch ủy ban nhân dân xã P.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà **Vũ Thị P** sinh 1942. Nơi cư trú: Xóm Lãng, thôn Đồng Viên, xã P, huyện G, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

Ông Doãn Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 02/8/2013 của Chủ tịch UBND xã P áp dụng đối với ông Doãn Ngọc T về việc: Cường chế giải tỏa các công trình xây dựng, cây cối hoa màu trên diện T đất có quyết định thu hồi tại 3 lô đất kẹt tại thôn Đồng Viên, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội và yêu cầu UBND xã P, bồi thường toàn bộ những thiệt hại mà gia đình ông T phải chịu từ việc ban hành Quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế trái pháp luật với tổng là 204.305.000 đồng.

Lý do ông T khởi kiện vì cho rằng: Diện T đất 288m² ông sử dụng là của là của ông bà nội chết đi để lại cho bố mẹ ông, sau bố mẹ ông chết thì ông được hưởng thừa kế có sự xác nhận của các anh em trong nhà. Trong quá trình sử dụng ao trên thì gia đình ông có thả bèo, rau muống. Do ao nhà ông sát ao tập thể nên khoảng năm 1967- 1968, khi ao nhà bị vỡ bờ đã thông với ao tập thể ...Sau này HTX cho thuê ao thì các hộ thuê ao vẫn trả cá cho gia đình ông, bên cạnh việc trả cá cho HTX. Năm 1990 thì vợ chồng ông tiến hành lấp ao này và đến năm 1994 thì lấp xong làm vườn trồng cây ăn quả và vẫn sử dụng cho đến nay.

Từ năm 2005, ông T đã có đơn đề nghị được sử dụng đất ao xóm Lãng, thôn Đồng Viên, tuy nhiên vẫn chưa được UBND xã P trả lời thỏa đáng. Kể từ thời điểm đó gia đình ông vẫn quản lý và sử dụng diện T đất ao 288 m² mà không có sự tranh chấp nào xảy ra. Ngày 18/11/2008, UBND TP Hà Nội có quyết định số 2115/QĐ- UBND thu hồi 7311 m² đất tại xã P để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật, tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất, trong lô đất tại xóm Lãng có diện T đất 288 m² của gia đình ông. Tuy nhiên gia đình ông vẫn không nhận được Quyết định thu hồi đất và không nhận bất kỳ khoản tiền hỗ trợ nào liên quan đến việc thu hồi diện T đất trên.

Năm 2008 ông T lại tiếp tục có đơn đề nghị gửi đến UBND huyện G đề nghị giải quyết để gia đình được công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa ao vườn diện T 288 m². Cho đến ngày 20/7/2013 gia đình mới nhận được công văn số 652/UBND-TN & MT ngày 17/7/2013 của UBND huyện G về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông. Văn bản này xác định phần đất nói trên là thuộc quyền quản lý, sử dụng của UBND xã P.

Trên cơ sở văn bản nói trên của UBND huyện G, ngày 17/8/2013 UBND xã P đã tiến hành cưỡng chế đối với phần đất trên theo Quyết định cưỡng chế số 97/QĐ-UBND ngày 2/8/2013 để lấy đất thực hiện dự án.

Quyết định cưỡng chế số 97/QĐ-UBND ngày 8/2/2013 của UBND xã P, huyện G, không đúng qui định của pháp luật thể hiện: UBND xã P ban hành quyết định cưỡng chế số 97/QĐ-UBND ngày 2/8/2013 đối với gia đình tôi không đúng thẩm quyền vì thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế ở đây phải là Chủ tịch

UBND cấp huyện (khoản 2- Điều 44 Luật đất đai; khoản 1điều 31, khoản 2- Điều 32- Nghị định 69 năm 2009) nhưng ông chủ tịch UBND xã P ra quyết định cưỡng chế giải tỏa đối với gia đình ông, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Ngày 28/11/2019 Tòa án nhân dân huyện G đã xét xử sơ thẩm và quyết định:

Căn cứ các Điều 49; Điều 50; Điều 51 Luật TTHC 2010;

Căn cứ các Điều 30; Điều 31; Điều 55; Điều 56; Điều 115; Điều 128; Điều 157; Điều 193; Điều 204; Điều 206 Luật TTHC 2015.

Căn cứ Điều 1 Nghị Quyết số 104/2015/QH13 về việc thi hành Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 42; Điều 50 Luật đất đai năm 2003 và Điều 99 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 83; Điều 52; Điều 127 Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp năm 2003;

Căn cứ Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2012 NQ- HĐTP ngày 13/6/2012 hướng dẫn áp dụng một số qui định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Doãn Ngọc T về việc “Yêu cầu hủy Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 02/8/2013 của UBND xã P, huyện G, thành phố Hà Nội”.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Doãn Ngọc T về việc Yêu cầu UBND xã P, huyện G, thành phố Hà Nội phải bồi thường thiệt hại 204.305.000 đồng.

Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

3. Án phí: Miễn án phí Hành chính sơ thẩm đối với ông Doãn Ngọc T.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Không đồng ý với kết quả xét xử sơ thẩm, ngày 09/12/2019 Người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nói trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Doãn Ngọc T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 02/8/2013 của UBND xã P, huyện G, thành phố Hà Nội; Yêu cầu bồi thường thiệt hại cây cối, hoa màu tổng số tiền là 204.305.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có quan điểm:

+ Đơn kháng cáo của người khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 09/12/2019 là trong hạn luật định nên kháng cáo là hợp lệ

+ Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định; Thẩm phán và HĐXX phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Đề nghị HĐXX bác yêu cầu kháng cáo của ông Doãn Ngọc T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng:

Đối tượng khởi kiện của vụ án là Quyết định cưỡng chế số 97/QĐ-UBND ngày 2/8/2013 của UBND xã P, huyện G là quyết định được người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính Nhà nước ban hành trong hoạt động quản lý về đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo về điều kiện và thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3, Điều 30 và khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

Người khởi kiện kháng cáo và nộp tạm ứng án phí kháng cáo trong hạn luật định nên kháng cáo của người kháng kiện là hợp lệ.

Do Người khởi kiện, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người khởi kiện, Người bị kiện và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính để tiến hành phiên tòa.

II. Xét nội dung kháng cáo:

*** Về thẩm quyền ban hành:** Quyết định cưỡng chế số 97/QĐ-UBND ngày 2/8/2013 của Chủ tịch UBND xã P về việc cưỡng chế, giải tỏa các công trình xây dựng, cây cối hoa màu trên diện T có quyết định thu hồi tại 3 lô đất kẹt tại thôn Đồng Viên, xã P, huyện G do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ký là đúng thẩm quyền theo Điều 83 Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp năm 2003. Đúng theo Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính 2013 quy định thẩm quyền của Chủ tịch UBND xã và theo đúng Điều 52 Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003.

*** Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định:**

Đây là quyết định cưỡng chế giải tỏa hoa màu, công trình xây dựng trên đất công do UBND xã quản lý (Không phải là quyết định cưỡng chế thu hồi đất); được ban hành theo đúng thể thức quy định tại Mẫu số 1.2 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

*** Về nội dung:**

Căn cứ quyết định số 2115/2008/QĐ-UBND ngày 18/11/2008 của UBND thành phố Hà Nội về thu hồi 7.311 m² đất tại xã P, huyện G giao cho UBND huyện G để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật tổ chức đấu giá quyền sử

dụng đất xây dựng nhà ở, trong đó lô đất tại xóm Lãng có diện tích là 3.312 m² trong đó có phần diện tích đất mà gia đình ông T đang sử dụng.

Ông Doãn Ngọc T có đơn đề nghị được sử dụng diện tích đất ao nêu trên nên Ủy ban nhân dân huyện G có Văn bản số 652/UBND-TN&MT ngày 17/7/2013 nêu rõ: “...Đề nghị được quyền sử dụng diện tích 288m² tại xóm Lãng, thôn Đồng Viên, xã P, là chưa đủ cơ sở để xem xét giải quyết...”

Sau khi nhận văn bản số 652/UBND-TN&MT ngày 17/7/2013 của UBND huyện G, ông Doãn Ngọc T khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G. Giải quyết đơn khiếu nại của ông T, Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định số 2014/QĐ-CT ngày 15/7/2014, về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Doãn Ngọc T, nội dung giữ nguyên nội dung Văn bản số 652/UBND-TN&MT ngày 17/7/2013, bác đơn khiếu nại của ông T. Sau đó ông Doãn Ngọc T có khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện G giải quyết đề nghị hủy Văn bản giải quyết số 652/UBND-TN&MT ngày 17/7/2013 của UBND huyện G và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2014/QĐ-CT ngày 15/7/2014. Tòa án nhân dân huyện G đã xét xử sơ thẩm hành chính ngày 18/9/2017, nội dung bác yêu cầu khởi kiện của ông Doãn Ngọc T về việc “ Yêu cầu hủy Công văn số 652/2013/UBND-TN&MT ngày 17/7/2013 của Ủy ban nhân dân huyện G và hủy Quyết định số 2014/QĐ-CT ngày 15/7/2014 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết đơn khiếu nại đối với ông Doãn Ngọc T”. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Doãn Ngọc T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét. Tòa Hành chính Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết phúc thẩm ngày 7/9/2018, nội dung xử: Bác kháng cáo của ông Doãn Ngọc T; giữ nguyên nội dung của Bản án sơ thẩm về giải quyết yêu cầu hủy văn bản số 652/2013/UBND-TN&MT ngày 17/7/2013 của Ủy ban nhân dân huyện G và hủy Quyết định số 2014/QĐ-CT ngày 15/7/2014 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết đơn khiếu nại đối với ông Doãn Ngọc T.

Như vậy, không có căn cứ pháp lý để ông Doãn Ngọc T được quyền sử dụng hợp pháp diện tích 288m² tại xóm Lãng, thôn Đồng Viên, xã P, huyện G, Hà Nội.

Quyết định cưỡng chế số 97/QĐ-UBND, ngày 2/8/2013 của Chủ tịch UBND xã P là văn bản hành chính trong việc quản lý, bảo đảm trật tự an toàn xã hội ở địa phương, thực hiện Quyết định 2115/QĐ-UB của UBND thành phố Hà Nội, văn bản số 652/2013/UBND-TN&MT ngày 17/7/2013 của UBND huyện G.

Nội dung quyết định:

“Điều 1. Cưỡng chế giải tỏa công trình xây dựng, cây cối hoa màu đối với các hộ gia đình tại 3 lô đất xen kẹt thôn Đồng Viên:

...

4. ông Doãn Ngọc T - xóm L - Thôn Đ”

Như vậy: UBND xã P ban hành Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 2/8/2013 để giải tỏa các công trình xây dựng, cây cối hoa màu trên đất công do UBND xã P quản lý.

Về thủ tục cưỡng chế:

Trước khi ban hành Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 2/8/2013 thì ngày 6/11/2012, tổ công tác của UBND xã P đã lập biên bản về việc kiểm kê tài sản, cây cối, hoa màu của ông Doãn Ngọc T trên đất, tại thửa đất công có quyết định thu hồi. Ngày 26/7/2013, UBND xã P đã làm việc với ông Doãn Ngọc T, tại buổi làm việc UBND xã P đã đề nghị ông T nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án, chậm nhất đến ngày 29/7/2013 và bàn giao mặt bằng, để UBND xã hoàn tất bàn giao mặt bằng thi công, sau ngày 29/7/2013 nếu ông T không nhận tiền đền bù, UBND xã sẽ giao cho tổ quản lý trật tự xây dựng lên phương án cưỡng chế giải tỏa khu ông T đang sử dụng. Trong buổi làm việc, ông T có ý kiến, xin về thảo luận với gia đình và trả lời sau. Nhưng sau đó không có ý kiến phản hồi và không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án đối với tài sản trên đất.

Ngày 2/8/2013, Chủ tịch UBND xã P ra Quyết định số 97/QĐ-UBND cưỡng chế các công trình xây dựng, cây cối, hoa màu...

Ngày 16/8/2013, công an xã và cán bộ quản lý trật tự xây dựng đã bàn giao thông báo cưỡng chế cho gia đình ông T, xong gia đình không nhận. Ngày 17/8/2013, UBND xã P tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế giải tỏa cây cối, hoa màu trên diện T của quyết định thu hồi tại 3 lô đất kẹt thôn Đồng Viên gồm các cây xoài, táo, sấu, chuối...; việc cưỡng chế đã tiến hành bằng cách dùng máy xúc giải tỏa.

Như vậy trước khi cưỡng chế giải tỏa, UBND xã đã vận động, thông báo cho gia đình ông T phải tự giải tỏa cây cối hoa màu, xong gia đình ông T không thực hiện. Vì vậy UBND xã P tổ chức cưỡng chế là đúng pháp luật.

Do vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Doãn Ngọc T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 97/ QĐ- UBND ngày 2/8/2013 của Chủ tịch UBND xã P.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử nhận thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Doãn Ngọc T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại, do yêu cầu khởi kiện quyết định hành chính của người khởi kiện không được chấp nhận nên các yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Doãn Ngọc T cũng không được chấp nhận.

Tại cấp phúc thẩm, thì phía người khởi kiện cũng không xuất trình được thêm tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Doãn Ngọc T.

Về án phí sơ thẩm, cấp sơ thẩm nhận định ông Doãn Ngọc T là người cao tuổi để chấp nhận miễn án phí cho ông T là đúng với quy định tại Luật Phí và Lệ phí và Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Về án phí phúc thẩm:

Kháng cáo không được chấp nhận, lẽ ra ông Doãn Ngọc T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính, tuy nhiên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-

2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì ông Doãn Ngọc T là Người cao tuổi nên được miễn án phí.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Từ những nhận định trên;

Căn cứ khoản 4 Điều 225; khoản 1 Điều 241; Điều 242 và khoản 1 Điều 349 Luật tổ tụng hành chính; Luật Phí và Lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Doãn Ngọc T; giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, TP Hà Nội, cụ thể:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Doãn Ngọc T về việc “Yêu cầu hủy Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 02/8/2013 của UBND xã P, huyện G, thành phố Hà Nội”.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Doãn Ngọc T về việc yêu cầu UBND xã P, huyện G, thành phố Hà Nội phải bồi thường thiệt hại **204.305.000 đồng**.

Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

- Án phí: Miễn án phí Hành chính sơ thẩm đối với ông Doãn Ngọc T.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Doãn Ngọc T không chịu án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Lam

